TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HS - ST
Ngày: 08 - 8 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đặng Văn Ẩn

2/ Bà Phan Thị Dòn

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Bích Diệp – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Mai Trường An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xét xử hình sự thuộc Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 210/2025/TLST – HS ngày 24/6/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST – HS ngày 10/7/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Cao Quốc T1; giới tính: Nam; sinh năm 1986, tại tỉnh Cà Mau; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã An T, huyện Bến L, tỉnh Long An (nay là ấp A, An T, xã Bến L, tỉnh Tây Ninh); chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Không; họ tên cha: Cao Văn B; họ tên mẹ: Bùi Thị Mỹ T; hoàn cảnh gia đình: Tại phiên tòa bị cáo khai có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc H, có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2022.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 06/3/2023, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Yên ra Quyết định truy nã về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Đến ngày 05/6/2024, bị Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 04 năm 6 tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo Bản án số 36/2024/HS-ST (Án đã có hiệu lực pháp luật).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/01/2024 (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Huỳnh Minh K, sinh năm: 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 53/14 khu phố A, phường Tân Thới H, (Quận 12 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Hoài T2, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: 117A, tổ A, ấp An T, thị trấn Kế S, huyện Kế S, tỉnh Sóc Trăng (nay là 117A, tổ A, ấp An T, xã Kế S, thành phố Cần Thơ).

3. Ông Lê Út A, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Thứ V, xã Tân H, huyện Phú T, (nay là xã Phú T) tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8/2023, Cao Quốc T1 quen biết với Trần Hoài T2 qua mạng xã hội và biết T2 có làm giả các giấy tờ, tài liệu của Cơ quan tổ chức nên T1 rủ T2 làm chung, T2 đồng ý.

Đến khoảng tháng 11/2023, Cao Quốc T1 nhờ Huỳnh Minh K thuê căn nhà địa chỉ A10/27T, ấp A, xã Tân K, huyện Bình C của ông Nguyễn Phương V để T1 cùng T2 làm giả các giấy tờ, tài liệu như: Căn cước công dân, Giấy phép lái xe, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các loại bằng cấp, văn bằng và chứng chỉ. T1 sử dụng tài khoản Telegram tên "Anh hai" liên hệ với tài khoản Telegram tên "Boom" (không rõ lai lịch) và nhận đặt làm giả các giấy tờ cho "Boom" với số lượng lớn; còn T2 sử dụng tài khoản Telegram tên "Nothinh" nhận đặt làm giả các giấy tờ với số lượng nhỏ lẻ. Đối với các loại bằng cấp, Căn cước công dân thì T1 nhận làm giả với giá 150.000 đồng, Giấy phép lái xe 200.000 đồng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 400.000 đồng. Sau khi nhận thông tin từ khách hàng, T1 tiến hành làm giả các giấy tờ bằng cách sử dụng ứng dụng "Corel" được T1 cài đặt sẵn trên máy tính. Tại ứng dụng "Corel", T1 mở các "Phôi" tương ứng với các giấy tờ cần làm giả, sau đó nhập thông tin do khách hàng cung cấp lên "Phôi" rồi dùng máy in màu in ra sản phẩm. Sau khi làm xong tài liệu giả, T1 chụp ảnh gửi trước cho khách hàng, sau đó đặt Grab giao tài liệu giả đến địa chỉ mà khách hàng yêu cầu. T1 và T2 thống nhất sử dụng chung số tài khoản 9704222078932910 Ngân hàng MB bank tên "HUYNH VAN NU" để nhận tiền chuyển khoản từ khách hàng. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024, T1 và T2 đã làm giả khoảng 400 giấy tờ, tài liệu để bán và thu lợi được số tiền khoảng 80.000.000 đồng. Ngoài ra, T1 còn đặt mua trên mạng xã hội Facebook của một người không rõ lai lịch 27 thẻ Căn cước công dân và 02 Giấy phép lái xe thật đã hết hạn sử dụng với giá 100.000 đồng mỗi cái, mục đích nghiên cứu mẫu mã để tiến hành làm giả ra các giấy tờ tương tự.

Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 19/01/2024, khi T1 đang thao tác trên máy tính để chỉnh sửa, làm giả các tài liệu của cơ quan, tổ chức tại địa chỉ A10/27T, ấp A, xã Tân K, huyện Bình C thì bị lực lượng Công an xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh kiểm tra, phát hiện hành vi làm giả 257 tài liệu của T1 nên tiến hành lập Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang. Hồ sơ sau đó được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh để điều tra.

Bản Kết luận giám định số 1918/KL-KTHS ngày 05/02/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PC09), kết luận:

07 thẻ căn cước công dân mang tên Đỗ Nhựt T, sinh năm 1983; 02 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Minh D, sinh năm 2002; 03 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Hữu K, sinh năm 1991; 03 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1995, 15 thẻ căn cước công dân cần giám định nêu trên là giả.

Bản Kết luận giám định số 1916/KL-KTHS ngày 05/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PC09), kết luận:

16 thẻ căn cước công dân ký hiệu từ A1-A16 là giả; 27 thẻ căn cước công dân ký hiệu từ A17-A43 là thật.

Bản Kết luận giám định số 5134/KL-KTHS ngày 03/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PC09), kết luận: Không đủ cơ sở xác định biển số: 83CA- 011.59 và biển số: 83P1-170.85 cần giám định là thật hay giả.

Bản Kết luận giám định số 5205/KL-KTHS ngày 16/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PC09), kết luận: 60 phôi Giấy phép lái xe cần giám định là giả.

Bản Kết luận giám định số 5206/KL-KTHS ngày 16/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PC09), kết luận: 59 phôi Căn cước công dân cần giám định là giả.

Bản Kết luận giám định số 5135/KL-KTHS ngày 21/5/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PC09), kết luận:

12 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1-A12 là giả; hình dấu tròn trên 10 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A13-A22 được làm giả bằng phương pháp in phun màu. Không đủ cơ sở kết luận chữ đứng tên Lý Xương T trên 05 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A13-A17, chữ ký đứng tên Cao Thành T, Đào Hải A trên 05 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A23-A27 là thật hay giả.

Bản Kết luận giám định số 5203/KL-KTHS ngày 03/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PC09), kết luận:

Giấy phép lái xe số 790182039375 mang tên Hà Văn T, ký hiệu A23 là thật; phôi giấy phép lái xe số 790110294539 mang tên Cam Quốc T cần giám định ký hiệu A22 là thật; 21 giấy phép lái xe cần giám định ký hiệu A1-A21 là giả; 05 giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với

đất" ký hiệu từ A24-A28 là giả; 59 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A29-A87 là giả. Không đủ cơ sở kết luận giám định 486 tem Bộ giáo dục là thật hay giả.

Tại Cơ quan điều tra, Cao Quốc T1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Lời khai của T1 phù hợp Kết luận giám định, lời khai của người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng vụ án:

- 27 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Thị Hồng P, Nguyễn Thanh L, Trần Thị Thái T, Phạm Thị Yến L, Nguyễn Văn P, Phạm Thị Ngọc H, Trần Thị T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Thanh T, Hoàng Ngọc D, Nguyễn Bùi Trường D, Trần Thị Mỹ L, Lê Thị N, Trần Thị X, Hoàng Thị H, Mai Thị Thanh T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim C, Lê Thị Thanh H, Nguyễn Trần Ngọc D, Lâm Thủy Ngân T, Đoàn Thị P, Trần Thị T, Trịnh Xuân H, Thạch Thị T, Vũ Thụy Lệ Q, Mai Trung H. Tất cả qua giám định là thật;

- 01 Giấy phép lái xe mang tên Cam Quốc T bị tẩy xóa ảnh, qua giám định phôi là thật; 01 Giấy phép lái xe mang tên Hà Văn T, qua giám định là thật;

- 15 thẻ căn cước công dân: 07 thẻ mang tên Đỗ Nhựt T, sinh năm 1983; 02 thẻ mang tên Nguyễn Minh D, sinh năm 2002; 03 thẻ mang tên Nguyễn Hữu K, sinh năm 1991; 03 thẻ mang tên Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1995;

- 16 thẻ căn cước công dân: 02 thẻ mang tên Dương Ngọc Lâm A; 14 thẻ mang tên Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc P, Ngô Quốc D, Đỗ Văn D, Đặng Tuấn M, Phạm Hồng C, Phạm Minh C, Bùi Thị Hoàng M, Huỳnh Văn H, Đậu Lê X, Phan Thanh T, Thạch Đ, Cam Quốc T;

- 21 Giấy phép lái xe: 03 giấy mang tên Nguyễn Văn O, 02 giấy mang tên Trương Thị Ngọc L, 02 giấy mang tên Nguyễn Anh D, 02 giấy mang tên Lý Khánh L, 02 giấy mang tên Vũ Tuấn A và 10 giấy mang tên Nguyễn Văn S, Tô Anh T, Đặng Văn T, Nguyễn Thị N, Trịnh Văn D, Nguyễn Trường A, Trần Quốc B, Lê Văn H, Cao Văn K, Nguyễn Thị Ngọc T;

- 05 Giấy phép lái xe mang tên Trương Văn M, Võ Văn B, Nguyễn Đức A, Nguyễn Văn L, Hoàng Văn N;

- 02 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Minh M, Nguyễn Văn S và 02 biển số xe: 83CA-011.59 và 83P1-170.85;

- 04 chứng chỉ sơ cấp lái xe ô tô hạng A, C, E, FC mang tên Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn O, Phan Đình Q, Nguyễn Đức A và 03 chứng chỉ sơ cấp mang tên Võ Văn B, Nguyễn Đức A, Nguyễn Văn L;

- 02 chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng I, mang tên Nguyễn Văn S và Trần Minh M;

- 09 bằng tốt nghiệp, chứng chỉ: 01 bằng tốt nghiệp trung học cơ sở mang tên Đào Văn Đ; 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Đào Văn H; 01 bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp mang tên Hoàng Văn C; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề mang tên Đoàn Sơn Đ; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Nguyễn Thị N; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Lê Hoàng Huy K; 01

bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Trần Văn V; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Trần Văn T; 01 chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh bậc 3 mang tên Nguyễn Ngọc T;

- 05 bằng cử nhân: 01 bằng mang tên Nguyễn Đức T; 02 bằng mang tên Tăng Thị L; 01 bằng mang tên Trần Vũ Thu N; 01 bằng mang tên Nguyễn Minh T; 01 bằng kỹ sư mang tên Đinh Thái S; 05 giấy khai sinh: 02 giấy mang tên Nguyễn Chí C; 02 giấy mang tên Nguyễn An Y; 01 giấy mang tên Ngô Thị V;

- 05 "Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe" không đề nội dung thông tin; 05 ''Đơn đề nghị học, sát hạch'' không đề nội dung thông tin; 05 "Bài sát hạch lý thuyết" không đề nội dung thông tin; 07 bản ghi kết quả học tập: 03 bản mang tên Nguyễn Đức T; 02 bản mang tên Đinh Thái S; 01 bản mang tên Đỗ Thị Ngọc D; 01 bản mang tên Dương Thị Ngọc L;

- 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số CD094957 mang tên Lê Hồng M; số BR037030 mang tên Trần Văn T; số CE313654 mang tên Nguyễn Như A; số CE313654 mang tên Trần Thị Bích L; số DĐ691035 mang tên Nguyễn Văn L và Đặng Thị H;

- 279 thẻ nhựa màu trắng, kích thước 8.5x5cm; 486 con tem hình tròn, đường kính 1.5cm, trên mỗi tem có dòng chữ "BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO *VIỆT NAM*;

- 59 thẻ nhựa kích thước 8.5x5cm, trên mỗi thẻ có in họa tiết hoa văn màu xanh, kèm chữ "CĂN CƯỚC CÔNG NHÂN", chưa có thông tin trên thẻ; 260 miếng kim loại hình chữ nhật, màu vàng, kích thước 1.1x1.2cm (dạng Căn cước công dân gắn chip);

- 03 phôi bằng tốt nghiệp cao đẳng, nền đỏ, chữ vàng, chưa có thông tin; 08 phôi bằng tốt nghiệp đại học nền đỏ, chữ vàng, chưa có thông tin; 07 phôi bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp nền đỏ, chữ vàng, chưa có thông tin; 08 phôi bằng kỹ sư; 800 gam miếng ép nhựa khổ A4; 7,2 kilôgam giấy cứng bóng in ảnh, bằng khổ A3, A4;

- 01 thẻ ATM của ngân hàng MB Bank số thẻ 9704 2220 7893 2910 đứng tên HUYNH VAN NU;

- 01 CPU màu trắng hiệu EMASTER; 01 màn hình máy tính hiệu View Sonic; 01 chuột máy tính hiệu ZADEZ; 02 máy in màu hiệu Epson L8050 màu đen; 01 màn hình máy tính hiệu LG; 01 CPU màu trắng hiệu VSP; 01 bàn phím hiệu IMBATOT; 01 máy in màu hiệu Epson L1800 màu đen; 01 máy in thẻ nhựa hiệu HITI; 01 máy scan hiệu PIXMA màu đen; 01 màn hình máy tính hiệu FUJITSU; 01 bàn phím hiệu DAREU; 01 chuột máy tính hiệu DAREU; 01 CPU màu đen không rõ nhãn hiệu; 01 máy ép plastic có in chữ IRON PLATE LAMINATOR; 01 máy in màu hiệu EPSON L805; 01 máy in laser màu trắng, không rõ nhãn hiệu; 01 USB hiệu Kingston 64GB màu đen; 01 USB màu bạc, không rõ nhãn hiệu; 01 thước kẻ bằng nhựa; 01 thước kẻ bằng kim loại; 01 cây kéo, cán màu đen; 01 kẹp bấm ghim màu xanh; 01 kẹp bấm gim màu trắng; 01 cuộn băng keo 02 mặt; 02 hộp ghim bấm; 02 hộp đựng lưỡi dao rọc giấy; 02 hộp

giấy nhựa ép plastic; 05 cây bút bi màu xanh; 01 cây bút bi màu đỏ; 01 lọ keo dán; 42 lọ mực máy in màu; 02 tập giấy A4 cứng; 02 tập giấy A3 cứng; 02 ổ điện màu trắng kèm dây điện màu trắng; 01 ổ điện màu trắng kèm dây điện màu đỏ; 01 máy sấy hiệu TOSHIBA; 01 thớt gỗ hình chữ nhật kích thước 25x16cm;

- Số tiền 12.492.000 đồng (mười hai triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn đồng) đang tạm giữ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Nam Thành phố Hồ Chí Minh;

- 01 túi xách màu đen bên trong có 01 ví màu nâu, 01 hộp danh thiếp có tên Trần Hoài T2, 02 đồng hồ có dây đeo màu đen, mặt đồng hồ bằng kim loại; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 357338086940148 cùng một sim điện thoại (không rõ số thuê bao) đang được gắn trong khe sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max màu xám, số Imei 1: 353902106692858, số Imei 2: 353902106618200 cùng một sim điện thoại với số thuê bao 0906885433 đang được gắn trong khe sim, đã qua sử dụng, thu giữ của Cao Quốc T1;

- 01 xe mô tô biển số 69AH-003.58, số khung RNBWCB1YPC1000705, số máy RNB139FMB000705 và giấy đăng ký xe đứng tên Lê Út A.

Tại bản Cáo trạng số 233/CT – VKS – HBC ngày 24 tháng 6 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10) đã truy tố bị cáo Cao Quốc T1 về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm a, c Khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố, sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

Xử phạt bị cáo Cao Quốc T1 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo điểm a, c Khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu nhập bất chính, phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng và xử lý vật chứng theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo Cao Quốc T1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh truy tố bị cáo. Bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh,

Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Cao Quốc T1 tại tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 97 – 105); phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố. Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, các kết quả giám định, kết quả khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 11/2023 đến ngày 09/01/2024, tại địa chỉ A10/27T, ấp A, xã Tân K (nay là xã Tân N), huyện Bình C bị cáo Cao Quốc T1 đã có hành vi mua máy móc, thiết bị, phương tiện và nhiều vật dụng khác để làm giả các giấy tờ, tài liệu của cơ quan tổ chức như: Căn cước công dân, Giấy phép lái xe, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các loại bằng cấp, văn bằng và chứng chỉ. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024, bị cáo đã làm giả khoảng 400 giấy tờ, tài liệu để bán và thu lợi được số tiền khoảng 80.000.000 đồng. Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 19/01/2024, khi bị cáo đang thao tác trên máy tính để chỉnh sửa, làm giả các tài liệu của cơ quan, tổ chức tại địa chỉ trên thì bị lực lượng Công an xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh kiểm tra, phát hiện hành bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng.

[3] Với những tình tiết được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Cao Quốc T1 đã phạm vào tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" tội phạm được quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); nên Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật, không oan sai.

[4] Tội phạm bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, uy tín của các cơ quan, tổ chức liên quan, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương trên cả nước. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng tính tư lợi cho bản thân, biếng lười lao động nên bị cáo đã cố ý phạm tội. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử có mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết định khung: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024, bị cáo đã làm giả khoảng 400 giấy tờ, tài liệu để bán và thu lợi được số tiền khoảng 80.000.000 đồng (trên 06 tài liệu, giấy tờ giả; thu lợi bất chính trên 50.000.000 đồng). Đây là các tình tiết định khung hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c Khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi,

bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo, khi lượng hình có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo.

[6] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, đã bị kết án về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" cụ thể: Ngày 05/6/2024, bị Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 04 năm 6 tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức", theo Bản án số 36/2024/HS-ST (án đã có hiệu lực pháp luật). Do đó, lần phạm tội này khi lượng hình Hội đồng xét xử lưu ý đến nhân thân của bị cáo mà có mức án nghiêm; đồng thời áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tổng hợp hình phạt tù đối với bản án trên là phù hợp.

[7] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, Hội đồng xét xử xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[8] Đối với ông Trần Hoài T2 qua điều tra bị cáo khai nhận là người cùng với bị cáo thực hiện hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Qua xác minh ông T2 không có mặt tại địa phương, do chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo nên chưa đủ căn cứ vững chắc để xử lý đối với T2 với vai trò đồng phạm cùng với bị cáo. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm đối tượng, khi nào tìm được sẽ làm rõ xử lý sau, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Đối với ông Huỳnh Minh K đứng ra thuê nhà để bị cáo làm địa điểm thực hiện hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Qua xác minh K không có mặt tại địa phương nên chưa có căn cứ xác định K có hành vi đồng phạm với bị cáo, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm đối tượng, khi nào tìm được sẽ làm rõ xử lý sau, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Đối với người sử dụng tài khoản Telegram tên "Boom" và các đối tượng đã đặt làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, do không xác định được nhân thân lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh truy xét, khi nào làm rõ được sẽ xem xét xử lý sau, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[11] Đối với 27 thẻ Căn cước công dân và 02 Giấy phép lái xe qua giám định là thật, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, ghi lời khai các cá nhân đứng tên trên Căn cước công dân và Giấy phép lái xe, kết quả các chủ sở hữu trên đều xác nhận đã đăng ký làm lại giấy tờ mới và không có nhu cầu nhận lại các giấy tờ trên.

[12] Đối với thông tin cá nhân của 70 người đứng tên trên các giấy tờ, tài liệu do bị cáo làm giả, Cơ quan điều tra đã tiến hành ủy thác điều tra để xác minh làm rõ, khi nào có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[13] Về xử lý vật chứng của vụ án:

Đối với 27 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Thị Hồng P, Nguyễn Thanh L, Trần Thị Thái T, Phạm Thị Yến L, Nguyễn Văn P, Phạm Thị Ngọc H, Trần Thị T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Thanh T, Hoàng Ngọc D, Nguyễn Bùi

Trường D, Trần Thị Mỹ L, Lê Thị N, Trần Thị X, Hoàng Thị H, Mai Thị Thanh T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim C, Lê Thị Thanh H, Nguyễn Trần Ngọc D, Lâm Thủy Ngân T, Đoàn Thị P, Trần Thị T, Trịnh Xuân H, Thạch Thị T, Vũ Thụy Lệ Q, Mai Trung H; 01 Giấy phép lái xe mang tên Cam Quốc T bị tẩy xóa ảnh; 01 Giấy phép lái xe mang tên Hà Văn T. Tất cả qua giám định là thật, các đương sự trên đã làm lại giấy tờ mới và từ chối nhận lại, Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy theo điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 15 thẻ căn cước công dân: 07 thẻ mang tên Đỗ Nhựt T, sinh năm 1983; 02 thẻ mang tên Nguyễn Minh D, sinh năm 2002; 03 thẻ mang tên Nguyễn Hữu K, sinh năm 1991; 03 thẻ mang tên Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1995; 16 thẻ căn cước công dân: 02 thẻ mang tên Dương Ngọc Lâm A; 14 thẻ mang tên Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc P, Ngô Quốc D, Đỗ Văn D, Đặng Tuấn M, Phạm Hồng C, Phạm Minh C, Bùi Thị Hoàng M, Huỳnh Văn H, Đậu Lê X, Phan Thanh T, Thạch Đ, Cam Quốc T; 21 Giấy phép lái xe: 03 giấy mang tên Nguyễn Văn O, 02 giấy mang tên Trương Thị Ngọc L, 02 giấy mang tên Nguyễn Anh D, 02 giấy mang tên Lý Khánh L, 02 giấy mang tên Vũ Tuấn A và 10 giấy mang tên Nguyễn Văn S, Tô Anh T, Đặng Văn T, Nguyễn Thị N, Trịnh Văn D, Nguyễn Trường A, Trần Quốc B, Lê Văn H, Cao Văn K, Nguyễn Thị Ngọc T; 05 Giấy phép lái xe mang tên Trương Văn M, Võ Văn B, Nguyễn Đức A, Nguyễn Văn L, Hoàng Văn N; 02 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Minh M, Nguyễn Văn S và 02 biển số xe: 83CA-011.59 và 83P1-170.85; 04 chứng chỉ sơ cấp lái xe ô tô hạng A, C, E, FC mang tên Nguyễn Quang Hiếu, Nguyễn Văn O, Phan Đình Q, Nguyễn Đức A và 03 chứng chỉ sơ cấp mang tên Võ Văn B, Nguyễn Đức A, Nguyễn Văn L; 02 chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng I, mang tên Nguyễn Văn S và Trần Minh M; 09 bằng tốt nghiệp, chứng chỉ: 01 bằng tốt nghiệp trung học cơ sở mang tên Đào Văn Đ; 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Đào Văn H; 01 bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp mang tên Hoàng Văn C; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề mang tên Đoàn Sơn Đ; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Nguyễn Thị N; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Lê Hoàng Huy K; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Trần Văn V; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Trần Văn T; 01 chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh bậc 3 mang tên Nguyễn Ngọc T; 05 bằng cử nhân: 01 bằng mang tên Nguyễn Đức T; 02 bằng mang tên Tăng Thị L; 01 bằng mang tên Trần Vũ Thu N; 01 bằng mang tên Nguyễn Minh T; 01 bằng kỹ sư mang tên Đinh Thái S; 05 giấy khai sinh: 02 giấy mang tên Nguyễn Chí C; 02 giấy mang tên Nguyễn An Y; 01 giấy mang tên Ngô Thị V; 05 ‘‘Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe’’ không đề nội dung thông tin; 05 ‘‘Đơn đề nghị học, sát hạch’’ không đề nội dung thông tin; 05 ‘‘Bài sát hạch lý thuyết’’ không đề nội dung thông tin; 07 bản ghi kết quả học tập: 03 bản mang tên Nguyễn Đức T; 02 bản mang tên Đinh Thái S; 01 bản mang tên Đỗ Thị Ngọc D; 01 bản mang tên Dương Thị Ngọc L; 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số CD094957 mang tên Lê Hồng M; số BR037030 mang tên Trần Văn T; số CE313654 mang tên Nguyễn Như A; số CE313654 mang tên Trần Thị Bích L; số DĐ691035 mang tên Nguyễn Văn L và Đặng Thị H; 279 thẻ nhựa màu trắng, kích thước 8.5x5cm; 486 con tem hình tròn, đường kính 1.5cm, trên mỗi tem có dòng chữ “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VIỆT NAM; 59 thẻ nhựa kích thước 8.5x5cm, trên mỗi thẻ có in họa tiết hoa văn màu xanh, kèm chữ "CĂN CƯỚC CÔNG NHÂN", chưa có thông tin trên thẻ; 260 miếng kim loại hình chữ nhật, màu vàng, kích thước 1.1x1.2cm (dạng Căn cước công dân gắn chip); 03 phôi bằng tốt nghiệp cao đẳng, nền đỏ, chữ vàng, chưa có thông tin; 08 phôi bằng tốt nghiệp đại học nền đỏ, chữ vàng, chưa có thông tin; 07 phôi bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp nền đỏ, chữ vàng, chưa có thông tin; 08 phôi bằng kỹ sư; 800 gam miếng ép nhựa khổ A4; 7,2 kilôgam giấy cứng bóng in ảnh, bằng khổ A3, A4; 01 thẻ ATM của ngân hàng MB Bank số thẻ 9704 2220 7893 2910 đứng tên HUYNH VAN NU; 01 thước kẻ bằng nhựa; 01 thước kẻ bằng kim loại; 01 cây kéo, cán màu đen; 01 kẹp bấm ghim màu xanh; 01 kẹp bấm gim màu trắng; 01 cuộn băng keo 02 mặt; 02 hộp ghim bấm; 02 hộp đựng lưỡi dao rọc giấy; 02 hộp giấy nhựa ép plastic; 05 cây bút bi màu xanh; 01 cây bút bi màu đỏ; 01 lọ keo dán; 42 lọ mực máy in màu; 02 tập giấy A4 cứng; 02 tập giấy A3 cứng; 02 ổ điện màu trắng kèm dây điện màu trắng; 01 ổ điện màu trắng kèm dây điện màu đỏ; 01 máy sấy hiệu TOSHIBA; 01 thớt gỗ hình chữ nhật kích thước 25x16cm; 01 túi xách màu đen bên trong có 01 ví màu nâu. Xét các vật chứng trên không có giá trị sử dụng sẽ tịch thu tiêu hủy theo điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 CPU màu trắng hiệu EMASTER; 01 màn hình máy tính hiệu View Sonic; 01 chuột máy tính hiệu ZADEZ; 02 máy in màu hiệu Epson L8050 màu đen; 01 màn hình máy tính hiệu LG; 01 CPU màu trắng hiệu VSP; 01 bàn phím hiệu IMBATOT; 01 máy in màu hiệu Epson L1800 màu đen; 01 máy in thẻ nhựa hiệu HITI; 01 máy scan hiệu PIXMA màu đen; 01 màn hình máy tính hiệu FUJITSU; 01 bàn phím hiệu DAREU; 01 chuột máy tính hiệu DAREU; 01 CPU màu đen không rõ nhãn hiệu; 01 máy ép plastic có in chữ IRON PLATE LAMINATOR; 01 máy in màu hiệu EPSON L805; 01 máy in laser màu trắng, không rõ nhãn hiệu; 01 USB hiệu Kingston 64GB màu đen; 01 USB màu bạc, không rõ nhãn hiệu; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 357338086940148 cùng một sim điện thoại (không rõ số thuê bao) đang được gắn trong khe sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max màu xám, số Imei 1: 353902106692858, số Imei 2: 353902106618200 cùng một sim điện thoại với số thuê bao 0906885433 đang được gắn trong khe sim, đã qua sử dụng. Xét đây là công cụ, phương tiện phạm tội, Hội đồng xét xử tuyên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 12.492.000 đồng thu giữ của bị cáo. Qua điều tra xác định là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có, Hội đồng xét xử tuyên nộp vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 02 đồng hồ có dây đeo màu đen, mặt đồng hồ bằng kim loại, thu giữ của bị cáo, đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến vật chứng vụ án, Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo nhưng cần giữ lại để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo trong vụ án này.

Đối với xe mô tô biển số 69AH-003.58, số khung RNBWCB1YPC1000705, số máy RNB139FMB000705 và Giấy đăng ký xe đứng tên Lê Út A. Qua xác minh

ông Út A khai nhận đã bán xe mô tô trên cho người bạn tên D (không rõ lai lịch) vào năm 2018. Bị cáo khai nhận mua xe trên của một người không rõ lai lịch vào tháng 7/2023. Kết quả tra cứu xe không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm thủ tục đăng báo tìm chủ sở hữu liên quan nhưng đến này chưa có ai đến liên hệ nhận xe. Do thời hạn đăng báo chưa đúng hạn để xử lý theo quy định pháp luật nên để đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho chủ sở hữu xe mô tô trên, Hội đồng xét xử tuyên giao xe này cho Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh để tiếp tục đăng báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật.

[14] Về trách nhiệm dân sự: Trong thời gian phạm tội, bị cáo thu nhập bất chính số tiền 80.000.000 đồng, Hội đồng xét xử buộc bị cáo giao nộp lại số tiền này để nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[15] Đối với tội phạm này, ngoài hình phạt chính là phạt tù bị cáo còn chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo Khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử phạt bị cáo một khoản tiền để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[16] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a, c Khoản 3, Khoản 4 Điều 341, Điều 35, 38, Điều 50, điểm s Khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 106, Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Cao Quốc T1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù của Bản án số 36/2024/HS-ST ngày 05/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Buộc bị cáo chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2024.

Xử phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 07 thẻ mang tên Đỗ Nhựt T, sinh năm 1983; 02 thẻ mang tên Nguyễn Minh D, sinh năm 2002; 03 thẻ mang tên Nguyễn Hữu K, sinh năm 1991; 03 thẻ mang tên Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1995; 16 thẻ căn cước công dân: 02 thẻ mang tên Dương Ngọc Lâm A; 14 thẻ mang tên Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H, Nguyễn Ngọc P, Ngô Quốc D, Đỗ Văn D, Đặng Tuấn M, Phạm Hồng C, Phạm Minh C, Bùi Thị Hoàng M, Huỳnh Văn H, Đậu Lê X, Phan Thanh T, Thạch Đ, Cam Quốc T; 21 Giấy phép lái xe: 03 giấy mang tên Nguyễn Văn O, 02 giấy mang tên Trương Thị Ngọc L, 02 giấy mang tên Nguyễn Anh D, 02 giấy mang tên Lý Khánh L, 02 giấy mang tên Vũ Tuấn A và 10 giấy mang tên Nguyễn Văn S, Tô Anh T, Đặng Văn T, Nguyễn Thị N, Trịnh Văn D, Nguyễn Trường A, Trần Quốc B, Lê Văn H, Cao Văn K, Nguyễn Thị Ngọc T; 05 Giấy phép lái xe mang tên Trương Văn M, Võ Văn B, Nguyễn Đức A, Nguyễn Văn L, Hoàng Văn N; 02 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trần Minh M, Nguyễn Văn S và 02 biển số xe: 83CA-011.59 và 83P1-170.85; 04 chứng chỉ sơ cấp lái xe ô tô hạng A, C, E, FC mang tên Nguyễn Quang H, Nguyễn Văn O, Phan Đình Q, Nguyễn Đức A và 03 chứng chỉ sơ cấp mang tên Võ Văn B, Nguyễn Đức A, Nguyễn Văn L; 02 chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng I, mang tên Nguyễn Văn S và Trần Minh M; 09 bằng tốt nghiệp, chứng chỉ: 01 bằng tốt nghiệp trung học cơ sở mang tên Đào Văn Đ; 01 bằng tốt nghiệp trung học phổ thông mang tên Đào Văn H; 01 bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp mang tên Hoàng Văn C; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề mang tên Đoàn Sơn Đ; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Nguyễn Thị N; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Lê Hoàng Huy K; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Trần Văn V; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng mang tên Trần Văn T; 01 chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh bậc 3 mang tên Nguyễn Ngọc T; 05 bằng cử nhân: 01 bằng mang tên Nguyễn Đức T; 02 bằng mang tên Tăng Thị L; 01 bằng mang tên Trần Vũ Thu N; 01 bằng mang tên Nguyễn Minh T; 01 bằng kỹ sư mang tên Đinh Thái S; 05 giấy khai sinh: 02 giấy mang tên Nguyễn Chí C; 02 giấy mang tên Nguyễn An Y; 01 giấy mang tên Ngô Thị V; 05 ‘‘Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe’’ không đề nội dung thông tin; 05 ‘‘Đơn đề nghị học, sát hạch’’ không đề nội dung thông tin; 05 “Bài sát hạch lý thuyết” không đề nội dung thông tin; 07 bản ghi kết quả học tập: 03 bản mang tên Nguyễn Đức T; 02 bản mang tên Đinh Thái S; 01 bản mang tên Đỗ Thị Ngọc D; 01 bản mang tên Dương Thị Ngọc L; 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: số CD094957 mang tên Lê Hồng M; số BR037030 mang tên Trần Văn T; số CE313654 mang tên Nguyễn Như A; số CE313654 mang tên Trần Thị Bích L; số DĐ691035 mang tên Nguyễn Văn L và Đặng Thị H; 279 thẻ nhựa màu trắng, kích thước 8.5x5cm; 486 con tem hình tròn, đường kính 1.5cm, trên mỗi tem có dòng chữ “BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO *VIỆT NAM*; 59 thẻ nhựa kích thước 8.5x5cm, trên mỗi thẻ có in họa tiết hoa văn màu xanh, kèm chữ “CĂN CƯỚC CÔNG NHÂN”, chưa có thông tin trên thẻ; 260 miếng kim loại hình chữ nhật, màu vàng, kích thước 1.1x1.2cm (dạng Căn cước công dân gắn chip); 03 phôi bằng tốt nghiệp cao đẳng, nền đỏ, chữ vàng, chưa có thông tin; 08 phôi bằng tốt nghiệp đại học nền đỏ, chữ vàng, chưa có thông tin; 07 phôi bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp nền đỏ, chữ vàng, chưa có thông tin; 08 phôi bằng kỹ sư; 800 gam miếng ép nhựa khổ A4; 7,2 kilôgam giấy cứng bóng in ảnh, bằng khổ

A3, A4; 01 thẻ ATM của ngân hàng MB Bank số thẻ 9704 2220 7893 2910 đứng tên HUYNH VAN NU; 01 thước kẻ bằng nhựa; 01 thước kẻ bằng kim loại; 01 cây kéo, cán màu đen; 01 kẹp bấm ghim màu xanh; 01 kẹp bấm gim màu trắng; 01 cuộn băng keo 02 mặt; 02 hộp ghim bấm; 02 hộp đựng lưỡi dao rọc giấy; 02 hộp giấy nhựa ép plastic; 05 cây bút bi màu xanh; 01 cây bút bi màu đỏ; 01 lọ keo dán; 42 lọ mực máy in màu; 02 tập giấy A4 cứng; 02 tập giấy A3 cứng; 02 ổ điện màu trắng kèm dây điện màu trắng; 01 ổ điện màu trắng kèm dây điện màu đỏ; 01 máy sấy hiệu TOSHIBA; 01 thớt gỗ hình chữ nhật kích thước 25x16cm; 01 túi xách màu đen bên trong có 01 ví màu nâu; 27 thẻ căn cước công dân mang tên Phạm Thị Hồng P, Nguyễn Thanh L, Trần Thị Thái T, Phạm Thị Yến L, Nguyễn Văn P, Phạm Thị Ngọc H, Trần Thị T, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Thanh T, Hoàng Ngọc D, Nguyễn Bùi Trường D, Trần Thị Mỹ L, Lê Thị N, Trần Thị X, Hoàng Thị H, Mai Thị Thanh T, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kim C, Lê Thị Thanh H, Nguyễn Trần Ngọc D, Lâm Thủy Ngân T, Đoàn Thị P, Trần Thị T, Trịnh Xuân H, Thạch Thị T, Vũ Thụy Lệ Q, Mai Trung H; 01 Giấy phép lái xe mang tên Cam Quốc T bị tẩy xóa ảnh; 01 Giấy phép lái xe mang tên Hà Văn T.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 CPU màu trắng hiệu EMASTER; 01 màn hình máy tính hiệu View Sonic; 01 chuột máy tính hiệu ZADEZ; 02 máy in màu hiệu Epson L8050 màu đen; 01 màn hình máy tính hiệu LG; 01 CPU màu trắng hiệu VSP; 01 bàn phím hiệu IMBATOT; 01 máy in màu hiệu Epson L1800 màu đen; 01 máy in thẻ nhựa hiệu HITI; 01 máy scan hiệu PIXMA màu đen; 01 màn hình máy tính hiệu FUJITSU; 01 bàn phím hiệu DAREU; 01 chuột máy tính hiệu DAREU; 01 CPU màu đen không rõ nhãn hiệu; 01 máy ép plastic có in chữ IRON PLATE LAMINATOR; 01 máy in màu hiệu EPSON L805; 01 máy in laser màu trắng, không rõ nhãn hiệu; 01 USB hiệu Kingston 64GB màu đen; 01 USB màu bạc, không rõ nhãn hiệu; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 357338086940148 cùng một sim điện thoại (không rõ số thuê bao) đang được gắn trong khe sim, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max màu xám, số Imei 1: 353902106692858, số Imei 2: 353902106618200 cùng một sim điện thoại với số thuê bao 0906885433 và số tiền 12.492.000 đồng.

Giao Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh 01 xe mô tô biển số 69AH-003.58, số khung RNBWCB1YPC1000705, số máy RNB139FMB000705 và Giấy đăng ký xe đứng tên Lê Út A để làm thủ tục đăng báo tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định pháp luật.

Tạm giữ của bị cáo Cao Quốc T1 02 đồng hồ có dây đeo màu đen, mặt đồng hồ bằng kim loại để đảm bảo thi hành án đối với bị cáo T1 trong vụ án này.

(các vật chứng trên đang tạm giữa Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao, nhận tang tài vật được lập vào 24/7/2025 giữa Công an Thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng số tiền 12.492.000 đồng đang tạm giữ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Nam Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy nộp tiền đề ngày 26/6/2025).

Về dân sự: Buộc bị cáo Cao Quốc T1 giao nộp lại số tiền 80.000.000 đồng là tiền thu nhập bất chính để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Về án phí: Buộc bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- VKSND KV10. TPHCM;
- Trạm tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam khu vực huyện Bình Chánh;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS.KV10-TP.HCM
- Phòng hồ sơ, CA TP. HCM PV06;
- Trại tạm giam đang giam, giữ bị cáo;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Sơn

2AAKKBT*ααφχαη+